

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diên, ông Trần Đình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Ông Lê Thuần Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B; Sinh năm 1973;

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đồng Thanh, xã T, huyện C, tỉnh H.

Nơi làm việc hiện nay: Công ty Hồng Phúc Hân, Số 18 đường số 1, ấp 1, chợ Long Thọ, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Đắc T; Sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm Đồng Thanh, xã T, huyện C, tỉnh H; Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị B) yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B yêu cầu được ly hôn với anh Phan Đắc T vì vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống từ năm 2014, không còn tình cảm, quan tâm nhau. Chị B cũng trình bày trong thời gian vợ chồng chung sống bị anh T đánh đập khiến chị mệt mỏi, căng thẳng không chịu nổi nên phải bỏ về nhà ngoại sau đó vào Đồng Nai làm việc.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Tại các lời khai có trong hồ sơ, ý kiến của bị đơn (anh Phan Đắc T) như

sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đắc T đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị B vào ngày 07/10/2009 tại UBND xã Xuân Lộc. Sau khi kết hôn thì chị B chuyển khẩu và cùng chung sống với anh T tại xóm Đồng Thanh, xã T, huyện C, tỉnh H. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì mâu thuẫn vì chị B hay cãi nhằn, chửi bới. Nguyên nhân mâu thuẫn không có gì to tát nhưng chị B hay nói nhiều nên mâu thuẫn. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2014, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì không muốn ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh T vợ chồng không có nợ chung, có số tiền chung từ việc bán bò nhưng anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Ủy ban nhân dân xã T xác nhận: Chị B và anh T không có con chung, vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị B chuyển vào Đồng Nai sinh sống và làm việc nhưng không chuyển khẩu. Chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhưng chị B kiên quyết xin ly hôn còn anh T không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng, đủ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn 02 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị B ly hôn anh Phan Đắc T; Không xem xét về tài sản chung, nợ chung; Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn Phan Đắc T có hộ khẩu thường trú tại xóm Đồng Thanh, xã T, huyện C, tỉnh H. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 29/8/2019, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 18/9/2019. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T:

Chị B và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh T là đúng với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng vẫn thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn vì chị B hay cần nài, chửi bới và đã ly thân từ năm 2014. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm chính quyền địa phương tổ chức hòa giải đến khi Tòa án giải quyết vụ án, anh T không có hành động gì cứu vãn hôn nhân, hai bên không có phương án khả thi để xây dựng cuộc sống chung. Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung của chị B và anh T không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị B ly hôn Phan Đắc T.

Về con chung: Chị B và anh T không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị B trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Anh T trình bày có số tiền chung từ việc bán bò nhưng anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Chị B và anh T thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị B ly hôn anh Phan Đắc T.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo

biên lai thu tiền số 0004477 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc. Chị B phải nộp tiếp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm còn thiếu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Can Lộc.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị B và anh Phan Đắc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh